

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Kim Anh.

2. Ông Văn Viết Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều N; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện S, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn S; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày:

Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Lê Văn S kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Đ), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào ngày 17/08/2009. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Trong thời gian chung sống cùng nhau, anh Lê Văn S ngoại tình, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị N vì con đã bỏ qua để cho hai con có một mái nhà, có đủ ba và mẹ. Nhưng hai tháng gần đây, anh S lấy lý do công việc mà những ngày cuối tuần, ngày lễ là đi ở cùng với người phụ

nữ khác. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm lạnh nhạt không hàn gắn được. Vợ chồng ly thân từ ngày 15/5/2022, chị N cùng các con về chung sống với cha, mẹ ruột của chị tại Bình Định. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Nhã U, sinh ngày 08/02/2011 và Lê Đức A, sinh ngày 16/08/2016. Hiện chị N đang làm Kế toán, có công việc làm ổn định, thu nhập hàng tháng là 12.000.000 đồng nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành. Yêu cầu anh Lê Văn S cấp dưỡng nuôi con Lê Thị Nhã U mỗi tháng 2.500.000 đồng và Lê Đức A mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung, gồm:

- Sổ tiết kiệm ngân hàng: Tổng số tiền là 835.000.000 đồng, mở tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Hải Lăng, Quảng Trị. Yêu cầu tòa án chia cho chị N nhận 700.000.000 đồng, anh S nhận 135.000.000 đồng.

- Xe máy: 1 chiếc xe mô tô hiệu piaggio, màu xanh giá 8.500.000 đồng; 1 chiếc xe mô tô hiệu Attila, màu trắng giá 8.000.000 đồng. Hiện tại, anh S đang quản lý các xe này. Yêu cầu tòa án giải quyết buộc anh S chia cho chị N trị giá 01 xe mô tô là 8.000.000 đồng.

- Đồ dùng trong nhà, gồm: Bàn gỗ 8.000.000 đồng, bàn để máy vi tính: 1.500.000 đồng; tủ đựng hồ sơ: 3.000.000 đồng; tủ quần áo bằng gỗ: 2.500.000 đồng, tủ quần áo bằng nhựa ép: 3.000.000 đồng; máy quạt lớn phun sương: 1.500.000 đồng; bàn học: 1.100.000 đồng; tủ lạnh: 12.000.000 đồng; máy điều hòa: 11.000.000 đồng; máy giặt: 4.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh S hoàn tiền lại cho chị N 1/3 tổng giá trị đồ dùng trong nhà là 15.866.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/6/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N trình bày yêu cầu bổ sung chia số tiền 135.000.000 đồng trong số tiền 330.000.000 đồng theo Quyết định của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bồi thường cho công ty anh Lê Văn S.

Tại bản tự khai ngày 07/07/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu được nuôi hai con chung và đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Nhã U mỗi tháng 5.000.000, rút yêu cầu chia tài sản chung tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/6/2022.

Tại đơn trình bày ngày 11/7/2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung đã yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 27/5/2022.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2022 bị đơn anh Lê Văn S trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký tại UBND xã T (nay là xã Đ), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống chị N thất nghiệp, không kiếm việc làm, chê anh S nghèo, xấu. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 12/3/2022. Nay chị N yêu cầu ly hôn, anh S đồng ý thuận tình ly hôn. Về con chung: Vợ

chồng có 02 con chung là Lê Thị Nhã U, sinh ngày 08/02/2011 và Lê Đức A, sinh ngày 16/08/2016. Anh S yêu cầu được nuôi hai con do chị N không có việc làm, không có khả năng cấp dưỡng. Về tài sản chung: Các tài sản chung mà chị N đã trình bày và yêu cầu chia, anh S không chấp nhận đó là tài sản chung vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2022, bị đơn anh Lê Văn S trình bày: Về nuôi con chung, anh S ưu tiên cho chị N lựa chọn, đề nghị Tòa án không chia con cho hai người nuôi. Chị N và anh S, ai nuôi con cũng được, nhưng chỉ một người nuôi con và việc cấp dưỡng phải được người nuôi con đồng ý.

Tại bản tự khai ngày 17/8/2022, bị đơn anh Lê Văn S trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh S đồng ý ly hôn. Về con chung, anh S muốn nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, không có tài sản chung để chia.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220, 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện, cho chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn anh Lê Văn S. Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị Kiều N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thị Nhã U, sinh ngày 08/02/2011 và Lê Đức A, sinh ngày 16/08/2016. Anh S cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Nhã U mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Do chị N đã rút lại toàn bộ phần yêu cầu về chia tài sản chung nên đề nghị áp dụng Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối yêu cầu về việc chia tài sản chung. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Lê Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N và anh Lê Văn S kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã Đ) vào năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh S thiếu quan tâm đến gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung. Chị N và anh S đã sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Tại biên bản xác minh, Hội liên hiệp phụ nữ xã Đ xác nhận: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị N, anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ khoảng 5/2022. Anh S hiện nay sống cùng bố mẹ anh S ở xã Đ, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Chị N và hai con sống cùng bố mẹ chị N tại tỉnh Bình Định.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh S ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ, cần chấp nhận

[4] Về nuôi con chung: Chị N và anh S có 02 con chung là Lê Thị Nhã U, sinh ngày 08/02/2011 và Lê Đức A, sinh ngày 16/08/2016. Chị N và anh S đều có mong muốn được nuôi cả hai con.

Xét hiện nay hai cháu Lê Thị Nhã U và Lê Đức A đang được chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Lê Thị Nhã U đã có đơn trình bày mong muốn được tiếp tục sống cùng với mẹ và em trai. Theo xác nhận của Công ty TNHH Tổng hợp Long Vũ, hiện nay chị N đang làm kế toán tại Công ty với mức thu nhập 12.000.000 đồng/tháng. Theo xác nhận của UBND xã Đ, anh Lê Văn S là lao động tự do, có mức thu nhập bằng bình quân thu nhập của một người dân tại địa bàn xã Đ là 41.000.000 đồng/năm; trong 3 tháng gần đây là tháng 5, 6, 7/2022 có thu nhập là 2.500.000/tháng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống cho cháu U, cháu A, đảm bảo quyền lợi cho các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt hơn cần giao hai cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Cần buộc anh S

phải cấp dưỡng nuôi cháu U mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với khả năng lao động, mức thu nhập của anh S và đảm bảo quyền lợi cho cháu U.

[5] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều N đã rút lại toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, bị đơn anh Lê Văn S không có yêu cầu gì đối với việc chia tài sản chung, vì vậy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu chia tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều N được ly hôn anh Lê Văn S.

Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thị Nhã U, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Lê Đức A sinh ngày 16/08/2016 cho chị Nguyễn Thị Kiều N nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Văn S phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Nhã U mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể từ tháng 9/2022 cho đến khi cháu U thành niên và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Nguyễn Thị Kiều N.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kiều N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.425.000 đồng tại biên lai số CC/2021/0000118 ngày 20/6/2022 (đã nộp 17.050.000 đồng) và biên lai số CC/2021/0000132 ngày 07/7/2022 (đã nộp 3.375.000 đồng) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, trả lại cho chị N số tiền chênh lệch là 20.125.000 đồng. Anh Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo định kỳ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- UBND xã Đ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương